

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2017/HSST

Ngày 30/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đà

2. Bà Phan Thị Lưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Chí Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2017/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H; sinh ngày 29 tháng 3 năm 1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Thợ mộc; con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Trương Thị H; bị cáo có vợ là Hồ Thị T, con là Nguyễn Hồ Gia N; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Nguyễn Đức T, sinh năm 1979 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; cùng trú tại: Khối phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Đức H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 09/6/2017, Nguyễn Đức H đến nhà mẹ ruột là bà Trương Thị H tại khối phố 2, phường A, thành phố T để chơi. Khi vào phòng ngủ của vợ chồng anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H, thấy chị H có bỏ một số tiền trong túi rồi cất trong tủ nên H nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 12/6/2017, lợi dụng lúc trong nhà không có người, H dùng một chiếc đoạn hình chữ T mở các con ốc của bản lề cửa phòng vợ chồng anh T để mở cửa vào phòng.

Khi vào bên trong, H nhìn thấy có một chiếc tủ, tại ổ khóa của cánh tủ bên trái phía dưới có cắm một chùm chìa khóa nên H lấy chùm chìa khóa này mở được cánh tủ bên trái phía dưới và tìm được chiếc ví bên trong có số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), H lấy toàn bộ số tiền bỏ vào trong túi quần đang mặc rồi bỏ ví lại vào trong tủ, khóa tủ lại, sau đó đi ra vặn các con ốc bản lề lại như ban đầu rồi ra khỏi nhà. Số tiền trộm cắp được, H lấy 500.000 đồng để sửa xe máy rồi đi về nhà mình tại xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Khi đến đoạn đường tỉnh lộ 622 thuộc đỉnh Eo Chim, thôn Trà Lương, xã Trà Lãnh, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi, H gói số tiền còn lại trong bọc nilon và cất giấu dưới mương nước ven đường rồi đi về nhà.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã tạm giữ từ Nguyễn Đức H và trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H số tiền 31.500.000 đồng. Nguyễn Đức H đã tự nguyện bồi thường cho chị H số tiền 500.000 đồng. Chị H không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức H khai nhận: Ngày 12/6/2017, bị cáo Nguyễn Đức H đã dùng một chiếc đoạn hình chữ T mở cửa vào phòng, lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị H số tiền 32.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo tiêu xài hết 500.000 đồng, còn lại đã bị thu giữ.

Đối chiếu lời khai của bị cáo với người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cáo trạng số 70/CT – VKS ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, do đó mọi hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu đều bị pháp luật nghiêm cấm và xử lý nghiêm minh. Bị cáo Nguyễn Đức H là người đã thành niên, có nghề nghiệp ổn định nhưng lại không lo làm ăn mà trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài, lợi dụng thời điểm người bị hại không có mặt tại nhà, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả gây ra; người bị hại đã có đơn

yêu cầu bãi nại cho bị cáo. Đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; bị cáo là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền, địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp. Do điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo nuôi con nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng nghĩa vụ khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

01 chiếc đoàn hình chữ T anh T cho H mượn để sửa xe, việc H sử dụng để làm công cụ phạm tội anh T không biết nên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh T là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Đã được sửa đổi bổ sung năm 2009*):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nhận được quyết định thi hành và bản sao bản án.

- Bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Chi cục THA dân sự thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt